

BIÊN LỰC TRONG SINH TỒN

Nguyễn Hữu Thông*

I. Khái luận

Chúng tôi muốn mở đầu bài viết của mình bằng một dòng trích dẫn lại chương dẫn nhập công trình khá dày dặn của Nguyễn Đức Cung [*Quảng Bình-Chín trăm năm nhìn lại (1075-1975)*]⁽¹⁾ rằng: “Trong bộ *The Study of History*, sử gia nổi tiếng người Anh Arnold J. Toynbee đưa ra nhận định ‘**Những miền nằm trên miền biên giới đều có sinh lực mạnh mẽ**’.”⁽²⁾ Đúng trên trục không gian địa lý, Quảng Bình không chỉ nằm trên vùng biên của một trung tâm, mà nơi đây còn là biên chuẩn, định vị tính chất ấy đối với nhiều trung tâm khác. Chẳng hạn, đối tâm với chiếc nôi Việt cổ ở lòng chảo Sông Hồng, Sông Mã, *Quảng Bình thật sự là miền đất phía nam, nếu không nói là ranh giới phía Nam của văn hóa Đông Sơn*.⁽³⁾ Thế nhưng, đối với khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của văn minh Ấn Độ, hay đối với trung tâm xứ Đàng Trong thời đất nước chia cắt, Quảng Bình lại là vùng ranh giới phía bắc của mối quan hệ này.

Rộng hơn trên tầm khu vực, nơi đây cũng chính là điểm dừng, điểm giao thoa, vùng chiếu sáng của hai “mặt trời” Ấn-Hoa, trong khoảng không gian văn hóa mà người phương Tây thường gọi là Indochine/ Indochinoise.

Lý thuyết về trung tâm cũng như mối tương tác giữa vùng trung tâm và ngoại vi không phải là những gì mới lạ. Các nhà khoa học thuộc trường phái nhân học địa lý với thuyết “truyền bá luận” (diffusionism) như L. Frobenius, F. Ratse,⁽⁴⁾ F. Grabner, W. Schmidt⁽⁵⁾ từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20, đã luận đến những thành tựu lớn lao của văn minh/ văn hóa, xuất phát từ những trung tâm, và, từ đó khuếch tán, lan rộng, đặt dấu ấn của mình trên những vùng văn hóa nhỏ nhoi chưa định hình ở những cộng đồng ngoại vi. Theo thời gian, lý thuyết này đã được điều chỉnh theo xu hướng chú trọng hơn đến hiện tượng tương tác văn hóa giữa trung tâm và vùng biên - nơi tiếp nhận.⁽⁶⁾

Trên thực tế, vai trò của vùng ngoại vi văn hóa ngày càng được khẳng định qua những ghi nhận trải nghiệm trên phạm vi rộng, mang tính đối sánh từ nhiều châu lục. Chính vì thế, “ngoại vi văn hóa không chỉ chịu sự tác động thu hút của trung tâm, cung cấp các ‘nguyên liệu’ văn hóa cho trung tâm, mà còn chịu ảnh hưởng và tiếp nhận sự lan tỏa văn hóa từ trung tâm. Do vậy, ngoại vi văn hóa bao giờ cũng tĩnh lặng, ít sôi động hơn so với trung tâm. Nhiều hiện tượng văn hóa khi lan tỏa tới ngoại vi thường bị ‘hóa thạch’ và giữ lại các dạng thức nguyên thủy hơn so với trung tâm. Đó chính là hiện tượng ‘hóa thạch ngoại biên của văn hóa’. Hiện tượng này có nét giống với sóng nước khi chúng ta ném một hòn đá xuống mặt ao, hồ”.⁽⁷⁾

* Thành phố Huế.

Chúng tôi muốn từ điểm nhấn đầy ấn tượng của tọa độ này, để cùng thảo luận những nét đặc trưng của con người và vùng đất Quảng Bình, trong cách nhìn là vùng biên thì bao giờ cũng đọng lại những “hóa thạch” có giá trị liên tồn từ chiếc nôi trung tâm. Trung tâm chính là nơi khởi phát, nhưng khó có thể giữ được bền vững những truyền thống do chính mình tạo ra, bởi, thuộc tính biến động thường xuyên từ hấp lực hội tụ và năng lực lan tỏa của nó. Người ta ví hiện tượng này như thảm bột màu rải trên chậu nước, nếu vùng trung tâm bị khuấy động thì vành chậu sẽ là nơi đọng lại những mảng bột màu nguyên vẹn nhất.

Tuy nhiên, cùng với sự cô đọng quý báu nét truyền thống trên vành đai của khu trung tâm, vùng biên luôn là điểm tiên tiêu trong giao lưu tiếp biến, cho nên, khả năng hội nhập và hóa giải những điều chưa tương thích, cũng trở thành một năng lực tiềm tàng; bản lĩnh và nội lực sinh tồn để giữ mình vẫn là mình, không thể không tính đến như một nét nổi trội của con người ở vùng biên, mà Quảng Bình có thể xem như một điểm dẫn liệu đầy chất sinh động.

II. Quảng Bình - vùng đất với những đặc trưng trên vành biên giao tiếp

- Biên điểm của một tầng văn hóa khảo cổ

Trong công trình nghiên cứu khá công phu của Lê Đình Phúc về “Tiền sử Quảng Bình”,⁽⁸⁾ việc thừa nhận những đặc trưng của những di chỉ liên quan đến khảo cổ học, tựu trung có thể tóm lược trong mấy nhận xét sau:

Từ các chuyên gia khảo cổ phương Tây⁽⁹⁾ cho đến Việt Nam, trong gần một thế kỷ khảo sát, họ đã phát hiện hầu như khắp nơi trên đất Quảng Bình những di tích khảo cổ học tiền sử và sơ sử, có niên đại trải dài từ thời đồ đá, cho đến đồ đồng và đồ sắt (tiêu biểu như các di chỉ ở Yên Lạc, Kim Bảng, Đức Thi, Hang Rào, Khe Toong, Minh Cầm, Bàu Tró, Bàu Khê, Cồn Nền, Ba Đồn...). Và tất nhiên, vì là điểm có nhiều điều cần bàn về mặt khảo cổ, cho nên, không ít tác giả đã thận trọng nối kết dấu ấn tiền Đông Sơn với khu vực này thông qua việc “xác nhận sức sống và tầm lan tỏa ảnh hưởng của văn hóa Hòa Bình xuống phía nam...”.⁽¹⁰⁾ Để rồi điều cần phải giải quyết là việc thừa nhận ở những mức độ khác nhau: Quảng Bình chính là nơi giao thoa giữa hai tầng nền văn hóa không cùng gốc xuất phát. Đó là sự hiện hữu không điển hình của văn hóa Sa Huỳnh bên cạnh Đông Sơn. Hay nói một cách khác “Quảng Bình thật sự là miền đất phía nam - nếu không nói là ranh giới phía nam của văn hóa Đông Sơn”.⁽¹¹⁾

- Biên điểm của một “gia đình” ngôn ngữ

Nếu nhìn vào bản đồ phân bố ngôn ngữ tộc người ở Việt Nam, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra một vệt cư trú khá liên tục của những tộc người (không kể người Kinh) trong “gia đình” ngôn ngữ Việt-Mường, trải dài từ Hòa Bình cho đến Thanh Hóa với người Mường (xen cư với các nhóm Thái và Mon-Khmer); miền tây Nghệ An với các nhóm Đan Lai-Ly Hà, Tày Poọng, Thổ... ở huyện Tương Dương; phía tây Hà Tĩnh, Quảng Bình là địa bàn cư trú của các nhóm

Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng, mà trong danh mục thống kê nhà nước, chúng ta thường gọi họ là Chứt ở Tuyên Hóa, Minh Hóa, Bố Trạch, Hương Khê...

Chính sự lan tỏa theo hướng tiếp cận những môi trường cư trú khác nhau, trong đó, hướng tây nam (nơi có nhiều dãy núi đá vôi trùng điệp và những nguồn sông ngầm), cộng đồng Việt-Mường mà cụ thể là những nhóm Sách, Mày, Rục, Arem, Mã Liềng đã hình thành nên những vùng cư trú khu biệt, từ sự an bài của tự nhiên như một định mệnh. Hiện tượng giao lưu văn hóa đến đây ít nhiều bị ngưng đọng trong những “ốc đảo”, và, theo thời gian, chúng trở thành điểm bảo lưu cổ nhất trong quy luật “hóa thạch” các yếu tố văn hóa vùng biên của nhóm Việt-Mường. Đây cũng chính là nơi xa xôi nhất về phía nam mà các nhà ngôn ngữ có thể tìm gặp những yếu tố đặc trưng của ngôn ngữ Việt cổ.

- *Biên điểm vùng ảnh hưởng văn hóa chịu tác động trực tiếp từ phương Nam*

Các nhà khảo cổ lần lịch sử trong những thập niên gần đây, khi đề cập vùng đất Champa, đều rất gần nhau trong cùng một luận điểm: Vào cuối thế kỷ 2 tại vùng trung tâm của nền văn hóa kim khí Sa Huỳnh, đã ra đời một nhà nước - nhà nước Lâm Ấp hay nhà nước Khu Liên. Vậy, người Lâm Ấp là ai? Trần Quốc Vượng lần Ngô Văn Doanh cho rằng: “*bằng những phát hiện mới, phong phú của khảo cổ học các nhà khoa học Việt Nam có đầy đủ tài liệu để khẳng định người Lâm Ấp chính là người Sa Huỳnh*”⁽¹²⁾ hay “*Nhà nước của Khu Liên ở cuối thế kỷ II trong sách cổ Trung Hoa (Thủy kinh chú) có lẽ chỉ là sự tái sinh hay hồi sinh của nhà nước cổ Sa Huỳnh*”.⁽¹³⁾

Ở đây, giới hạn của không gian phân bố di tích và di vật Sa Huỳnh về phía cực bắc, chúng ta thấy trùng khớp với biên giới phía bắc nước Lâm Ấp. Và như đã biết, đây là một nhà nước chịu ảnh hưởng trực tiếp văn hóa tư tưởng và tôn giáo Ấn Độ. Nói khác đi, Quảng Bình nằm trên vùng biên của hàng loạt vương quốc cổ đại ở Đông Nam Á, ảnh hưởng trực tiếp văn minh/ văn hóa Ấn. Và biên giới xa nhất về phía đông bắc của không gian Ấn hóa này, chính là Sông Gianh.

- *Biên điểm lan tỏa cuối cùng của văn minh phương Bắc*

Có thể trong thời kỳ Hán thuộc, văn minh Tần-Hán đã lan đến tận khu vực Trung Bộ Việt Nam hiện nay. Tọa độ cụ thể của vùng đất cực nam trong ba quận Hán thuộc là Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam vẫn chưa xác định rõ trên bản đồ, nhưng, thực tế lịch sử đã cho chúng ta thấy rằng, nhà Hán khi vươn tay cai trị của mình đến Nhật Nam xem ra đã quá tầm và lỏng lẻo.⁽¹⁴⁾ Cho nên, Khu Liên/ nhóm Khu Liên ở đây mới đủ điều kiện thuận lợi để nổi dậy giết quan huyện lệnh của nhà Hán và lập nên nhà nước Lâm Ấp.

Sự kiện trên đồng nghĩa với hiện tượng văn hóa Hán từ phương Bắc, đã bị ngăn chặn và dừng lại sức lan tỏa của mình trên dải mạch liên tục của phần lục địa tiến về phía nam. Thứ vũ khí chống lại sức lan tỏa ấy chính là Ấn Độ giáo và mô hình nhà nước thương nghiệp trong vùng ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Và không nơi nào khác, nút chặn cuối cùng của luồng ảnh hưởng văn

hóa Hán theo hướng nam phía lục địa chính là Đèo Ngang, là Sông Gianh của Quảng Bình hiện nay.

- *Biên điểm làm nên biên giới quốc gia/vùng/miền trong nhiều giai đoạn lịch sử*

Có lẽ khoảng nhận diện rõ ràng nhất vùng đất Quảng Bình trong giai đoạn từ thế kỷ thứ 2 đến nửa đầu thế kỷ 11, sau sự kiện Lý Thánh Tông tịch nhập vùng đất Quảng Bình vào cơ thể Đại Việt, chính là sự hiện hữu của triều đại Indrapura trong lịch sử Champa.⁽¹⁵⁾

Quảng Bình từ sau 1069 đã mang hơi thở Đại Việt khi “*Nhân-tông, năm Thái-ninh thứ 4 (1075) át mao, vua sai Lý Thường Kiệt đi tuần biên thủy, về địa đồ hình thế núi sông ba châu ấy [Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính] dâng lên, đổi tên Địa Lý là châu Lâm Bình, Ma Linh làm châu Minh Linh, chiêu dân đến ở. Từ đấy đất phía nam Hà-hoa ngoài dải Hoành-sơn mới vào bản đồ nước ta.*”⁽¹⁶⁾

Trong cuộc chiến tranh Lê-Trịnh và Nguyễn (thế kỷ 16-18), mặc dù, chúng ta tránh dùng từ nội chiến, nhưng dù sao vẫn là một mảng màu u tối trong lịch sử Việt Nam. Quảng Bình trong giai đoạn đầy biến động này cũng đã đảm nhận vai trò tiền tiêu, đầu sóng ngọn gió, biên điểm cho những trận chiến phi vệ quốc, nhưng, mức độ tàn khốc không kém những lần đối đầu với quân xâm lược phương Bắc trong lịch sử.

- *Biên điểm chuyển đổi tâm lý ứng xử nông nghiệp Việt truyền thống*

Theo con đường hải thương, văn hóa Ấn đã có điều kiện cắm rễ một cách sâu sắc, tạo nên vùng ảnh hưởng lan đến một phần của dải đất Bắc Trung Bộ Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công nguyên.

Phía bắc quận Nhật Nam thời Hán thuộc là vùng đất Quảng Bình, nơi đây trở thành biên điểm giao thoa của hai nền văn minh Trung-Ấn. Điểm hội tụ những đặc điểm ấy, không thể không để lại trên mình nó những dấu ấn quan trọng và tiêu biểu trong quá trình tích hợp, hóa giải và thích ứng.

Hiện tượng tiếp biến trong ứng xử của con người đến sau, trong từng trường hợp, thời điểm, và địa bàn cụ thể, không thể không bồi đắp trên hành trang truyền thống của mình, những dấu ấn sinh hoạt của người tiền trú, kể cả yếu tính văn hóa Trung Hoa lẫn Ấn Độ đã được bản địa hóa.

Những nét đặc thù về địa lý, lịch sử, văn hóa ở điểm giao tiếp này đã dựng nên ở miền Trung Việt Nam hai nhóm mẫu hình cấu trúc xã hội, thể chế chính trị, và đặc điểm kinh tế khác nhau, từ nhiều thế kỷ trong lịch sử phong kiến. Một là những tiểu quốc thương nghiệp gần gũi mô hình Nam Ấn từ Đèo Ngang trở vào; hai là sự hiện hữu của những thành phần thuộc chính quyền trung ương tập quyền phía bắc theo mô hình phong kiến Nho giáo, lấy hoạt động kinh tế nông nghiệp lúa nước làm trọng.

Với đặc điểm trên, đã tạo nên sự chuyển đổi tư duy lẫn hành vi trong quá trình di trú của người Việt, khi họ buộc phải bước qua cánh cửa của hai mẫu hình xã hội không cùng nền tảng. Cánh cửa ấy chính là Sông Gianh, là Đèo Ngang của vùng Bắc Trung Bộ.

- *Biên điểm hoán giải dòng đức tin nội đạo*

Bên cạnh tôn giáo chính thống du nhập như một điểm tựa của đời sống tinh thần trên bình diện xã hội, mỗi cộng đồng đều có những nơi trú ẩn thâm sâu, để có thể tìm mối cảm thông và hỗ trợ trong từng góc nhỏ của cuộc sống thường nhật. Tín ngưỡng dân gian mang tính chất nội đạo, thường là niềm tin đồng hành trong từng ước vọng bình dị của người nông dân.

Người Việt quyết định rời cố hương đến với phương Nam xa lạ từ địa lý, môi trường, khí hậu, cho đến văn hóa..., cũng có nghĩa là sẵn sàng đối diện với những bất trắc xảy ra bất cứ lúc nào. Trong quá trình tiếp xúc với cộng đồng tiền trú, những lớp cư dân ảnh hưởng tam giáo phương Bắc có thể khuếch từ mọi xu hướng tâm linh phát sinh từ cộng đồng ảnh hưởng Ấn Độ hay Hồi giáo. Nhưng rõ ràng, trong trường hợp này, nữ thần Poh Nagar là một ngoại lệ.

Lẽ thường, nếu sự tiếp thu của người Việt mang tính khuôn mẫu, Poh Nagar sẽ là bà *mẹ* bảo vệ thần dân xứ sở, đưa đường chỉ lối cho người làm nông nghiệp biết giành lấy cái ăn, cái mặc như người Chăm đã từng quan niệm. Nhưng ở đây, Poh Nagar đã được người Việt cải danh để bà trở thành Thiên Y A Na, hóa thân làm bà *mẹ lớn*, đóng vai trò trung tâm trong tín ngưỡng nội đạo của họ.

Cũng chính từ tín ngưỡng dân gian Việt kết hợp với Đạo giáo, Poh Nagar không còn đơn độc với tư cách là bà mẹ xứ sở nữa, mà trên dưới, tả hữu ngôi vị của bà, theo thời gian, ngày càng xuất hiện nhiều thần linh. Chính người Việt - văn hóa Việt, đã tạo dựng một "lý lịch" khá rõ nét cho bà theo cách của mình. Cuối cùng, như hiện nay, với người theo đạo Mẫu Huế, bà có cha là Ngọc Hoàng Thượng Đế, chị em ruột với Mẫu Liễu Hạnh và Bà Đen (Muk Juk) với một cái tên mới người Việt đặt cho là Thiên Y A Na. Ba chị em bà từ đấy nhận lệnh cha cai quản ba vùng: Bắc (Liễu Hạnh), Trung (Thiên Y A Na) và Nam (Bà Đen).⁽¹⁷⁾

Điểm liên kết đáng nói ở đây là di tích thờ Mẫu Liễu Hạnh cuối cùng ở phía nam, chính là chân Đèo Ngang. Dòng nội đạo Việt theo chúa Liễu cũng gần như chấm dứt ở tọa độ này. Đây là ranh giới biểu thị sự tiếp nhận và hoán chuyển niềm tin dân gian, và tất nhiên, không thể không tạo nên những biểu hiện đặc thù trong quá trình thích ứng một dòng nội đạo, chi phối đến cách ứng xử của người tín mộ, mà Quảng Bình sẽ là điểm biểu hiện cần quan tâm.⁽¹⁸⁾

III. Tính trội của con người trên biên lộ văn hóa-lịch sử

Quảng Bình chưa từng đóng vai trò trung tâm của đất nước, nhưng lại là miền đất cô đọng những đặc trưng của vùng tiền tiêu, vùng giao thoa, vùng biên viễn... Điểm đặc biệt, ở tọa độ này, lịch sử đã vẽ nên khá điển hình nét nổi trội của con người cư trú với tư cách chủ nhân. Đó là sức sống linh hoạt, nội lực thâm hậu, khả năng chịu đựng, hóa giải, gan góc, nghị lực, bền bỉ, và có biệt tài phát huy năng lực ấy, vượt khỏi không gian sinh tồn nhỏ hẹp vốn có, để trở thành một thành phần quan trọng của sức mạnh quốc gia...

Truyền thống một vùng đất thể hiện qua tính cách con người gắn kết với nó, không phải là những định hình chuẩn mực và bất biến qua thời gian, hoặc

cắm chặt đặc tính ấy trên một không gian nhất định. Có thể có những phẩm chất tốt đẹp hình thành từ một cộng đồng nhỏ, nhưng lại góp vào đó không nhỏ, cho truyền thống cộng đồng lớn, những nét son đáng trân trọng. Có thể yếu tố đẹp dễ ấy, ngoài phẩm chất vốn có, chúng được bắt nguồn từ sự hội tụ đặc điểm địa lý tự nhiên, giao thoa văn hóa, cũng như những biến động lịch sử có chủ đích hay ngẫu nhiên, đã đặt lên vai họ như một số phận không thể từ khước.

Quảng Bình trong bối cảnh với những cơ duyên và đặc điểm mà chúng tôi vừa đề cập ở trên, qua thời gian, đã tích tụ và hình thành nên một dạng biên lực thâm hậu, có điểm khởi đầu rất sâu xa trong quá khứ.

Sức mạnh của những người sống ở vùng biên, dù muốn hay không cũng phải thường xuyên đối mặt với sự va chạm, thậm chí va đập theo hai hướng: tôi rèn thử thách trong sinh tồn, như một cách khẳng định sự tồn tại của bản ngã, lại vừa bồi đắp bằng sự trải nghiệm trong quá trình thích ứng và hóa giải những khó khăn, trở ngại của người mang sứ mệnh khai mở.

Họ đã chứng kiến điều gì khi tồn tại trong điểm giao thoa của truyền thống Sa Huỳnh và Đông Sơn trong thời sơ sử? Họ đã trải qua chuyện gì khi phải sống trong vùng giao tranh triền miên của hai quốc gia phong kiến Việt-Chăm? Họ giữ được điều gì về cội nguồn tối cổ của những nhóm người nói ngôn ngữ Việt-Mường tổ tiên, khi đến đây thì dừng lại? Họ đã phải thích ứng như thế nào khi mang trên vai hành trang và kinh nghiệm của người làm lúa nước thâm căn cố đế, lại phải đến một nơi không nhiều đồng bằng phù sa và chỉ có biển/ núi cận kề nhau? Họ đã phải làm gì khi tiếp xúc với cộng đồng tiền trú tồn tại chủ yếu bằng hoạt động trao đổi ven sông và hải thương khu vực...?

Chúng tôi gọi thành tựu và sức mạnh của cộng đồng chủ thể trong điều kiện đặc thù ấy là **biên lực sinh tồn**. Ở đây, rõ ràng con người với tư cách chủ thể, sống và tồn tại trên đất Quảng Bình là một cộng đồng có nguồn gốc tích hợp đặc biệt của lịch sử. Đó là sự chồng lên, hòa trộn, của nhiều lớp cư dân từ thời tối cổ đến hiện đại: Cộng đồng proto-Việt Mường + Môn Khmer cổ + người Chăm + người Việt di dân cắm mốc chủ quyền + người sinh trưởng trên vùng đất này + người từ nơi khác tụ cư vì trách vụ trước nhu cầu ổn định biên giới + người nhập cư bởi sinh kế và nhiều lý do khác...

Tất nhiên, đây không phải là hiện tượng hiếm gặp ở vùng đất khác, nhưng sở dĩ nó trở thành đặc thù và riêng có, vì ai sống trên đất ấy cũng tiếp nhận và hun đúc tinh thần, trách vụ và nội lực của tư thế người vùng biên. Những đối tượng luôn là kẻ tiên phong, đối mặt trước hết với những va chạm và đổi thay.

Sự thử thách của con người sống ở vùng biên không chỉ là sự va chạm đơn thuần với những sự kiện cụ thể, mà là cuộc đối đầu không tiền lệ trên nhiều lĩnh vực của cuộc sống: thiên nhiên, lịch sử, chính trị, xã hội, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, ngôn ngữ, phong tục... cho đến những điều vi tế trong từng ngõ ngách của hệ ứng xử của người lính tiên phong. Cho nên, thời thế tất phải tạo anh hùng. Và vùng đất này, nếu là chiếc nôi sinh ra không ít những anh tài trong nhiều lĩnh vực là điều dễ hiểu. Có thể xem đây là hệ quả tất yếu từ sự hội tụ những thử thách trong chiến lược sinh tồn của chính họ cùng cộng đồng của mình.

Danh sách các danh nhân nơi này thường xuyên dài ra, nhiều lên với sự có mặt của những người tài trên nhiều vùng và trên nhiều lĩnh vực. Họ tập hợp lại nơi đây, làm nên sức mạnh bảo vệ biên cương, cũng như hình thành điểm khởi phát vững chắc cho công cuộc tiến về Nam trong hành trình mở nước của dân tộc.

Từ những ngày đầu cắm mốc chủ quyền Việt trên đất Bồ Chính, Địa Lý, Ma Linh cho đến thời hiện đại, Quảng Bình không thiếu những con người tài năng, nổi trội trên nhiều phương diện khác nhau: Những nhà quân sự tài ba như Hồ Cường, Trần Bá Cẩn, Hoàng Hối Khanh..., những người yêu nước sắt son như Mai Văn Lương, Đoàn Đức Mậu..., nhà văn hóa Dương Văn An, những người tiên phong trong văn học và thi ca như Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử... Tất nhiên, không chỉ có thế, danh tướng thì không chỉ thỏa nguyện với việc giữ yên bờ cõi biên cương nơi đóng quân, mà cao hơn, xa hơn, là sự nghiệp kinh bang tế thế. Trong nhiều trường hợp, Quảng Bình trở thành chắt chội cho những giấc mơ lớn mà Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Cảnh, Võ Nguyên Giáp... là những “tượng đài” tuyệt đẹp để dẫn chứng hiện tượng này.

N H T

CHÚ THÍCH

- (1) Nguyễn Đức Cung, *Quảng Bình-Chín trăm năm nhìn lại (1075-1975)*, Nxb Nhật Lệ, USA, 2006, tr. V.
- (2) - Arnold J. Toynbee, *The Study of History*, tác phẩm tóm lược (hai tập) của D.C Somervell, A laurel edition, Dell Publishing Co., Inc xuất bản, 1971.
- Nguyễn Thế Anh, *Nhập môn sử học*, Sài Gòn, 1974, tr. 17.
- (3) Lê Đình Phúc, *Tiến sử Quảng Bình*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 185.
- (4) F. Ratse, *Anthropo-geographie*, Stuttgart, 1882.
- (5) F. Grabner, *Methode der ethnologie*, Heidelberg, 1911.
- (6) - CL. Wissler, *American Indian*, New York, 1922.
- A. L Kroeber, *Handbook of the Indian of California*, Washington, 1925.
- (7) Ngô Đức Thịnh, “Lý thuyết ‘Trung tâm và ngoại vi’ trong nghiên cứu không gian văn hóa”, tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1, Hà Nội, 2007.
- (8) Lê Đình Phúc, Sdd.
- (9) - E Patte, *La grotte sepulchrale nesolithique de Minh Cam (Annam)*, BSGI, Sesance du 23 Novembre 1922.
- H. Mansuy et J. Fromaget, *Station nesolithiques de Hang Rao et de Khe Tong (Annam)*, BSGI, vol. XII.
- M. Colani, “Re cherches sur le prehistorique Indochinois”, *BEFEO*, tome XXX, No. 3-4, 1931.
- (10) Lê Đình Phúc, Sdd, tr. 123.
- (11) Lê Đình Phúc, Sdd, tr. 185.
- (12) Ngô Văn Doanh, *Văn hóa cổ Champa*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2002, tr. 51-52.
- (13) Trần Quốc Vượng (Chủ biên), *Những di tích thời tiền sử và sơ sử ở Quảng Nam-Đà Nẵng*, Sở Văn hóa và Thông tin Quảng Nam-Đà Nẵng, 1985, tr. 140.
- (14) *Tiến Hán thư* (quyển 28, hạ) nói đến sự kiện sau khi chinh phục Nam Việt vào năm 111 trước Công nguyên, để chế Hán chia vùng đất mới chiếm ra làm 9 quận: Đạm Nhĩ, Chu Nhai (ngoài đảo Hải Nam), Nam Hải, Hợp Phố (Quảng Đông), Uất Lâm, Thương Ngô (Quảng Tây), Giao Chỉ (Bắc Bộ Việt Nam), Cửu Chân (vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh) và Nhật Nam (vùng

từ Đèo Ngang trở vào nam cho đến tận xứ Quảng Nam-Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Bình Định). Quận Nhật Nam chia làm 5 huyện: Tây Quyển, Chu Ngô, Tỵ Cảnh (Tỷ Cảnh/Tỵ Ảnh), Lô Dung và Tượng Lâm.

Năm 192, Khu Liên nổi lên đánh nhà Hán, chiếm Tượng Lâm thành lập Lâm Ấp. Thời nhà Ngô (220-279) quận Nhật Nam có 5 huyện: Tượng Lâm, Lư Dung, Châu Ngô, Tây Quyển, Bắc Cảnh, hai huyện Tây Quyển và Bắc Cảnh tương ứng với tỉnh Quảng Bình (Nguyễn Đức Cung, Sđd, tr. 21).

- (15) Triều đại Indrapura mà vùng ảnh hưởng của nó lan tỏa từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi đã từng tồn tại ít nhất trong vòng gần một thế kỷ (từ cuối thế kỷ 9 cho đến cuối thế kỷ 10). Những gì mà chúng ta biết khá rõ về giai đoạn này là sự phản ánh nét hưng thịnh của Phật giáo, cũng như mối quan hệ giữa các triều đại và lãnh địa của một số các vị vua Chăm trong lịch sử.
- (16) Nguyễn Đức Cung, Sđd, tr. 47.
- (17) Xem thêm vấn đề này ở Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2001, tr. 27-40.
- (18) Thật ra hiện nay cũng đã xuất hiện nhiều điểm thờ chúa Liễu Hạnh ở phía nam Quảng Bình, nhưng đều vào những thời điểm rất muộn. Chẳng hạn ở Huế, đền Phổ Hóa (Phổ Hóa Cung) là một di tích thờ Mẫu Liễu Hạnh khá quy mô. Nhưng đền Phổ Hóa chỉ mới được xây dựng vào năm 1925, do một vị quan của hai triều Khải Định và Bảo Đại là Phan Tử Phong cùng vợ là Nguyễn Thị Đào dựng nên. Họ vốn đã từng thờ phụng Mẫu Liễu Hạnh ở quê nhà Hà Tĩnh. Sau đó, một số am điện theo dòng chúa Liễu cũng đã phát triển theo, như Diệu Vân Điện, Phổ Tế Cung, Trường Sanh Cung... ở Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, nhưng tất cả đều được tạo dựng sau thời điểm 1925.

TÓM TẮT

Dựa vào lý thuyết về quá trình tán xạ văn hóa (diffusionism) giữa khu vực trung tâm và vùng ngoại vi, tác giả bài viết cho rằng, Quảng Bình mang những nét đặc trưng của một vùng đất nằm trên vành biên giao tiếp của nhiều yếu tố văn hóa, ngôn ngữ, tín ngưỡng, kinh tế..., đồng thời cũng là nơi xảy ra những cuộc chiến tranh ác liệt trong lịch sử dân tộc.

Hoàn cảnh địa-chính trị ấy đã buộc con người sống ở vùng biên, dù muốn hay không cũng phải thường xuyên đối mặt với những va chạm, thử thách khắc nghiệt trên nhiều lãnh vực. Vì vậy, vùng đất này, nếu gọi là chiếc nôi sinh ra không ít những anh tài cũng là điều dễ hiểu.

ABSTRACT

THE VITALITY OF PERIPHERAL AREAS

Based on the theory of diffusionism between the central area and the periphery, the author reckons that Quảng Bình has the features of an area located in the contacting periphery of elements of cultures, languages, religious beliefs and economies... and also the battles in the history of Vietnam.

Such geopolitical circumstances forced people living in that border area, whether they like it or not, to frequently deal with collisions and severe challenges in various areas. Therefore, it is understandable that that area is considered as the cradle creating outstanding talents.